

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ LIGHTHOUSE**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ LIGHTHOUSE

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: LIGHTHOUSE INTERNATIONAL JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110127792

**3. Ngày thành lập:** 23/09/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 75 Trần Cung, Phường Nghĩa Tân, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0869859831

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                   | Mã ngành |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                              | 4330     |
| 2.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                                         | 4390     |
| 3.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa; Môi giới mua bán hàng hóa                                                                                                              | 4610     |
| 4.  | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép<br>Chi tiết: Bán buôn vải; Bán buôn thảm, đệm, chăn, màn, rèm, ga trải giường, gối và hàng dệt khác; Bán buôn hàng may mặc; Bán buôn giày dép;                         | 4641     |
| 5.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>(Trừ được phẩm)                                                                                                                                                       | 4649     |
| 6.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                          | 4652     |
| 7.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                                                             | 4659     |
| 8.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                     | 4663     |
| 9.  | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại<br>(Không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ, không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh) | 8230     |
| 10. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                                                                         | 8299     |
| 11. | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>Chi tiết: Kinh doanh bất động sản<br>(Khoản 1 Điều 3 Luật Kinh doanh bất động sản năm 2014)                        | 6810     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                    |             |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 12. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết: Môi giới bất động sản<br>(Khoản 2 Điều 3 Luật Kinh doanh bất động sản năm 2014)                                                                                     | 6820        |
| 13. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết: Thiết kế sơ bộ; Thiết kế cơ sở; Thiết kế kỹ thuật; Thiết kế bản vẽ thi công<br>(Khoản 40, 41, 42, 43 Điều 3 Luật Xây dựng năm 2014)                                               | 7110        |
| 14. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: Trang trí nội ngoại thất.                                                                                                                                                                              | 7410(Chính) |
| 15. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                                                                                             | 7710        |
| 16. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô                                                                                                                                                                  | 4933        |
| 17. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ                                                                                                                                                                                            | 5225        |
| 18. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển<br>Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng không kèm người điều khiển                                                                                         | 7730        |
| 19. | Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp<br>Chi tiết: Cung cấp dịch vụ hỗ trợ tổng hợp cho cơ sở vật chất của khách hàng như làm sạch nội thất, bảo dưỡng, dọn dẹp rác, bảo vệ, gửi thư, lễ tân, giặt là và các dịch vụ có liên quan đáp ứng nhu cầu của khách hàng | 8110        |
| 20. | Vệ sinh chung nhà cửa                                                                                                                                                                                                                              | 8121        |
| 21. | Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt                                                                                                                                                                                                  | 8129        |
| 22. | Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan                                                                                                                                                                                                              | 8130        |
| 23. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                                  | 4101        |
| 24. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                                            | 4102        |
| 25. | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                                                                                                                      | 4211        |
| 26. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                                                                                       | 4212        |
| 27. | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                                                                                           | 4221        |
| 28. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                                                                                                | 4222        |
| 29. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                                                                                                                                 | 4223        |
| 30. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                                                                                                                  | 4229        |
| 31. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                                                                         | 4299        |
| 32. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                             | 4311        |
| 33. | Chuẩn bị mặt bằng<br>(Không bao gồm dò mìn và các loại tương tự tại mặt bằng xây dựng)                                                                                                                                                             | 4312        |
| 34. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                               | 4752        |

|     |                                                                                                                                                                         |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 35. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                             | 4753 |
| 36. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759 |
| 37. | Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                              | 4763 |

**6. Vốn điều lệ:** 20.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 2.000.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông   | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|---------------|------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | HOÀNG VĂN BẢY | Thôn Tiên Long, Xã Đạo Trù, Huyện Tam Đảo, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam    | Cổ phần phổ thông         | 300.000    | 3.000.000.000         | 15,000    | 026094002677                                                                                |         |
|     |               |                                                                        | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                        | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                        | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                        | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                        | Tổng số                   | 300.000    | 3.000.000.000         | 15,000    |                                                                                             |         |

|   |                  |                                                                   |                           |           |                |        |              |
|---|------------------|-------------------------------------------------------------------|---------------------------|-----------|----------------|--------|--------------|
| 2 | ĐỖ TRUNG HIẾU    | Tổ 2, Phường Tân Hòa, Thành phố Hoà Bình, Tỉnh Hoà Bình, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 1.020.000 | 10.200.000.000 | 51,000 | 017093000254 |
|   |                  |                                                                   | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0         | 0              | 0,000  |              |
|   |                  |                                                                   | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0         | 0              | 0,000  |              |
|   |                  |                                                                   | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0         | 0              | 0,000  |              |
|   |                  |                                                                   | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0         | 0              | 0,000  |              |
|   |                  |                                                                   | Tổng số                   | 1.020.000 | 10.200.000.000 | 51,000 |              |
| 3 | NGUYỄN ĐỨC GIANG | Tổ 8, Phường Yên Sở, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam   | Cổ phần phổ thông         | 300.000   | 3.000.000.000  | 15,000 | 001097011207 |
|   |                  |                                                                   | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0         | 0              | 0,000  |              |
|   |                  |                                                                   | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0         | 0              | 0,000  |              |
|   |                  |                                                                   | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0         | 0              | 0,000  |              |
|   |                  |                                                                   | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0         | 0              | 0,000  |              |
|   |                  |                                                                   | Tổng số                   | 300.000   | 3.000.000.000  | 15,000 |              |
| 4 | LÊ ĐỨC THỌ       | Xóm 1, Xã Phúc Thắng, Huyện Nghĩa Hưng, Tỉnh Nam Định, Việt Nam   | Cổ phần phổ thông         | 380.000   | 3.800.000.000  | 19,000 | 036093010312 |
|   |                  |                                                                   | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0         | 0              | 0,000  |              |
|   |                  |                                                                   | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0         | 0              | 0,000  |              |
|   |                  |                                                                   | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0         | 0              | 0,000  |              |
|   |                  |                                                                   | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0         | 0              | 0,000  |              |
|   |                  |                                                                   | Tổng số                   | 380.000   | 3.800.000.000  | 19,000 |              |

## 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức | Loại cổ<br>phần | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ; giá trị<br>tương đương<br>bằng tiền nước<br>ngoài, nếu có) | Tỷ lệ<br>(%) | Số hộ chiếu<br>đối với cá<br>nhân; Mã<br>số doanh<br>nghiệp đối<br>với doanh<br>nghiệp; Số<br>Quyết định<br>thành lập<br>đối với tổ<br>chức | Ghi<br>chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: ĐỖ TRUNG HIẾU

Giới tính: Nam

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 09/10/1993

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 017093000254

Ngày cấp: 25/03/2021

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Tổ 2, Phường Tân Hòa, Thành phố Hoà Bình, Tỉnh Hòa Bình, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Tổ 2, Phường Tân Hòa, Thành phố Hoà Bình, Tỉnh Hòa Bình, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội